

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: An toàn thông tin

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Quang Đức

2. Ngày tháng năm sinh: 16/04/1982; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 30 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phòng 1711, Chung cư 170 Đê La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0942481255;

E-mail: ductq@soict.hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Chức vụ: Hiện nay: Giám đốc Trung tâm; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438694242

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 21 tháng 01 năm 2008, ngành: Kỹ thuật điều khiển và tin học, chuyên ngành: Điện tử viễn thông

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ và Kinh tế Budapest

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 01 năm 2008, ngành: Kỹ thuật điều khiển và tin học, chuyên ngành: Điện tử viễn thông

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ và Kinh tế Budapest

- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 01 năm 2015, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Kỹ thuật thông tin

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): City, University of London

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng IV: Công nghệ thông tin, Toán học)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nhận dạng

- Xử lý dữ liệu đa phương tiện

- An toàn thông tin

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 28 bài báo KH, trong đó 6 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo với thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018

2	Nhân tài Đất Việt	Hội Khuyến học Việt Nam	2019
3	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Giảng viên tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm, không ngừng tu dưỡng, nâng cao chất lượng công tác chuyên môn, phát huy tinh thần, xây dựng và củng cố tinh đoàn kết trong nội bộ, phối hợp với đồng nghiệp hoàn thành tốt công việc được giao.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 8 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2009-2010				1	150		150/327/280
2	2015-2016				4	420	30	450/812,7/253,8
3	2016-2017				6	360		360/832,7/189

3 năm học cuối								
4	2017-2018				7	420		420/834,5/189
5	2018-2019	1		2	10	285	135	420/653/189
6	2019-2020	1			3	330	30	375/672/202,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☒; Tại nước: Cộng hòa Hungary; Từ năm 2001 đến năm 2008

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Vương Quốc Anh năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Tiến sỹ chuyên ngành Kỹ thuật thông tin tại Vương Quốc Anh

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Triệu Xuân Nghiêm		X	X		06/2016 đến 11/2018	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	14/12/2018
2	Lê Thị Mai		X	X		08/2017 đến 11/2018	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	14/12/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

1	Surface Simplification Using Quadric Error Metrics	3	Có	International Conference on Systems, Signals and Image Processing			,	2006
2	A Biometric Encryption Key Algorithm to Protect Private Key in BioPKI Security System	3	Không	International Conference on Information, Communications and Signal Processing		5	,	2009
3	A Multibiometric Encryption Key Algorithm using Fuzzy Vault to protect Private Key in BioPKI based Security System	3	Không	IEE RIVF International Conference on Computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future		11	,	2010
4	Thuật toán xác thực đa sinh trắc trong hệ thống BioPKI	3	Không	Chuyên san các công trình nghiên cứu phát triển CNTT và TT			6 , 26, 172-182	2011
5	Using Density based Score Fusion for Multimodal Identification Systems under the Missing Data Scenario	4	Có	International Conference on Development in eSystems Engineering		2	,	2011

6	Optimal Weight Selection in Matching Score Fusion based Face Recognition	2	Có	International Conference on Systems, Signals and Image Processing		1	,	2011
7	An approach for multimodal biometric fusion under the missing data scenario	4	Có	International Conference on Uncertainty Reasoning and Knowledge Engineering		7	,	2011
8	Improving fusion with optimal weight selection in Face Recognition	3	Có	Integrated Computer-Aided Engineering	Có - SCIE IF: 3.648	13	19 , 3, 229-237	2012
9	User-specific Fusion using One-class Classification for Multimodal Biometric Systems: Boundary Methods	2	Có	International Conference on Developments in eSystems Engineering		1	,	2013
10	A Modified Equal Error Rate based User-specific Normalization for Multimodal Biometrics	2	Có	International Conference on Development in eSystems Engineering			,	2013

11	Improving Fusion with One-Class Classification and Boosting in Multimodal Biometric Authentication	2	Có	Lecture Notes in Computer Science (Scopus Indexed)			8590,	2014
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
12	RABOC: An approach to handle class imbalance in multimodal biometric authentication	2	Có	Neurocomputing	Có - SCIE IF: 3.317	8	188, 167-177	2016
13	Internet of Things và Những vấn đề thách thức an ninh thông tin	4	Không	Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ XI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT (Fair)			,	2017
14	A novel SDN controller based on Ontology and Global Optimization for heterogeneous IoT architecture	6	Không	International Symposium on Information and Communication Technologies (Scopus Indexed)		2	,	2017

15	DGA Botnet Detection Using Supervised Learning Methods	5	Không	International Symposium on Information and Communication Technologies (Scopus Indexed)		19	,	2017
16	One-class Classification in Multimodal Biometric Authentication	2	Không	International Conference on Infocom Technologies and Unmanned Systems (Trends and Future Directions)		1	,	2017
17	Đánh giá mô hình bảo mật cho Mạng vạn vật dựa trên OM2M	6	Không	Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ XI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT (Fair)			,	2018
18	Detecting Attacks on Web Application using Autoencoder	6	Không	International Symposium on Information and Communication Technologies (Scopus Indexed)		5	,	2018

19	Mining Frequent Patterns for Scalable and Accurate Malware Detection System in Android	6	Không	Annual International Symposium on Personal, Indoor, and Mobile Radio Communications (PIMRC) (Scopus Indexed)		1	,	2018
20	The Flooding Attack in Low Power and Lossy Networks: A Case Study	6	Không	International Conference on Smart Communications in Network Technologies (Scopus Indexed)		3	,	2018
21	Phương pháp cải tiến LSTM dựa trên đặc trưng thống kê trong phát hiện DGA Botnet	5	Không	Chuyên san các công trình nghiên cứu phát triển CNTT và TT			2 , 40, 33-42	2018
22	SHIOT: A Novel SDN-based Framework for the Heterogeneous Internet of Things	6	Không	Informatica	Có - ESCI	1	42 , 3, 313-323	2018

23	A LSTM based framework for handling multiclass imbalance in DGA botnet detection	5	Có	Neurocomputing	Có - SCIE IF: 4.072	59	275, 2401-2413	2018
24	Detecting Web Attacks using Stacked Denoising Autoencoder and Ensemble Learning Methods	6	Không	International Symposium on Information and Communication Technologies (Scopus Indexed)			,	2019
25	NextLab: A new hybrid testbed and development platform for Software-defined Networking	6	Không	International Symposium on Information and Communication Technologies (Scopus Indexed)			,	2019
26	End to End Message Encryption Using Poly1305 and XSalsa20 in Low Power and Lossy Networks	4	Không	International Conference on Knowledge and Systems Engineering (Scopus Indexed)			,	2019

27	MABRESE: A new server selection method for Smart SDN-based CDN architecture	4	Không	IEEE Communications Letters	Có - SCIE <i>IF: 3.457</i>	3	23 , 6, 1012-1015	2019
28	svBLOCK: Mitigating black hole attack in low-power and lossy networks	6	Có	International Journal of Sensor Networks	Có - SCIE <i>IF: 1</i>		32 , 2, 77-86	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 3

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ				
1	Giải thưởng Nhân tài Đất Việt	Hội Khuyến học Việt Nam	10/BTC ngày 15/11/2019	13

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)